

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024**

**Phần I**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023**

1. Chương trình Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 (Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh):

Chương trình đã đưa ra 15 chỉ tiêu, với 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, tập trung 3 trụ cột chính về phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, phát triển xã hội số. Chương trình chuyển đổi số tỉnh đạt được một số kết quả nhất định:

- Có 12/15 chỉ tiêu đạt mục tiêu đề ra (tỷ lệ thực hiện là 80%).

- Có 18 dự án/ nhiệm vụ về công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số được triển khai với tổng kinh phí khoảng 56.849 triệu đồng;

2. Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2023 (Kế hoạch số 902/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh):

Kế hoạch đã đưa ra 35 chỉ tiêu, với 10 nhiệm vụ, 06 giải pháp trọng tâm, tập trung 3 trụ cột chính về phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, phát triển xã hội số và đạt được một số kết quả nhất định:

- Có 21/35 chỉ tiêu đạt mục tiêu đề ra (tỷ lệ thực hiện là 60%).

- Có 16 dự án/nhiệm vụ được triển khai theo Kế hoạch đề ra với tổng kinh phí dự kiến là 103.152 triệu đồng.

3. Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2023 (Quyết định số 88/QĐ-BCĐ ngày 09/6/2023 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang):

Kế hoạch đã đưa ra 28 chỉ tiêu, với 20 nhiệm vụ, 05 giải pháp trọng tâm và đạt được một số kết quả nhất định:

- Có 12/28 chỉ tiêu đạt mục tiêu đề ra (tỷ lệ thực hiện là 43%).

- UBND tỉnh An Giang đã phê duyệt Kế hoạch thử nghiệm nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh An Giang<sup>1</sup>.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

<sup>1</sup> Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh An Giang.

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

- Cơ sở hạ tầng viễn thông CNTT được đầu tư khá đồng bộ; bước đầu hình thành các cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành, phục vụ triển khai các ứng dụng CNTT và dịch vụ Chính quyền điện tử; mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan đảng, nhà nước được triển khai liên thông 4 cấp từ tỉnh đến huyện, xã và kết nối Trung ương.

- Thành lập 887 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 11 huyện, thị, thành phố với hơn 6.517 thành viên tham gia, đã triển khai tập huấn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang như: tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến, nền tảng/dịch vụ số Việt Nam như thanh toán không dùng tiền mặt, VNeID, Smart An Giang, ...

- Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã cung cấp đầy đủ thông tin thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đáp ứng đầy đủ theo quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- 100% hệ thống thông tin của CQNN đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin.

- Việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tỉnh được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh và với bộ, ngành trung ương qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử và Kiến trúc Chính quyền điện tử hiện hành;

- An Giang đã triển khai thực hiện cơ bản đạt một số chỉ tiêu đặt ra của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số như:

- Số lượng người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác là 1.707.667 người đạt tỉ lệ 153,1% so với mục tiêu là 75% năm 2023.

- Phê duyệt Kế hoạch thử nghiệm nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh An Giang.

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ 4 (toàn trình).

- 100% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh).

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*

## **Phần II**

### **NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt khung Đề án "An Giang điện tử" giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 tỉnh An Giang.

- Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang, phiên bản 2.0;

- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh An Giang về Phát triển hạ tầng số tỉnh An Giang giai đoạn 2023 – 2025.

## **II. MỤC TIÊU**

Triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình số 553/CTr-UBND và Nghị quyết số 01-NQ/TU; trong đó, tập trung hoàn thiện chính quyền điện tử các cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số trong cải cách hành chính, phát triển hạ tầng số và nguồn nhân lực cho chuyển đổi số; tiếp tục phát huy các kết quả đạt được, duy trì các chỉ tiêu đã hoàn thành, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu còn hạn chế.

Tập trung thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tại phụ lục 4 kèm theo.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Nhận thức số**

a) Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Tổ chức chuỗi sự kiện Chuyển đổi số tỉnh năm 2024, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

b) Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

c) Tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

d) Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

đ) Nghiên cứu, theo dõi các văn bản về chính sách hiệu quả đã triển khai tại các địa phương được Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp và đăng tải trên Cổng thông tin về Chuyển đổi số quốc gia tại địa chỉ: <https://dx.gov.vn> để tham khảo, triển khai thực hiện.

e) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp.

## 2. Thể chế số

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số:

(1) Chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

(2) Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

(3) Chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(4) Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

b) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử và gửi kết quả về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

c) Định kỳ sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết chuyên đề của cấp uỷ, kế hoạch hành động của cấp chính quyền về chuyển đổi số.

## 3. Hạ tầng số

a) Rà soát, xóa các vùng lùm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động.

b) Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh.

c) Mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.

d) Thiết lập, khai thác hiệu quả trung tâm dữ liệu.

đ) Chuyển đổi toàn bộ hệ thống thông tin, ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPV6).

## 4. Dữ liệu số

a) Phát triển cơ sở dữ liệu: Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp.

b) Cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

c) Thiết lập Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.

## 5. Nền tảng số

a) Triển khai ứng dụng các nền tảng số cơ bản: Nền tảng Trợ lý ảo; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh.

b) Khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ tỉnh; kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để liên thông dữ liệu

với các hệ thống Hệ thống thông tin do bộ, ngành Trung ương triển khai; khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia.

## **6. Nhân lực số**

- a) Triển khai đào tạo nhân lực số.
- b) Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức.
- c) Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân.
- d) Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã bố trí bộ phận hoặc đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, địa phương.
- đ) Kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin để tăng cường thực hiện nhiệm vụ, giải pháp mới về chuyển đổi số (theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”).

## **7. An toàn thông tin mạng**

Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bao gồm: Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ.

## **8. Doanh nghiệp công nghệ số**

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao trong Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

## **9. Chính phủ số**

- a) Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- b) Giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan quản lý với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập tự động dữ liệu theo quy định của pháp luật, nhằm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.
- c) Phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

## **10. Kinh tế số**

- a) Thực hiện đo lường kinh tế số của tỉnh; phấn đấu mục tiêu đến cuối năm 2024, tỉnh có năng lực đo lường kinh tế số ICT theo từng quý.
- b) Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển và điều kiện của tỉnh, giải quyết vấn đề của địa phương. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh về du lịch, nông nghiệp, giáo dục, y tế.
- c) Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án “Khu công nghệ thông tin tập trung”, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp công nghệ thông tin đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

## **11. Xã hội số**

a) Mỗi người dân có một danh tính số: triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước công dân.

b) Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số: phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số.

c) Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến: phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, sử dụng tài khoản VNeID để truy cập các Cổng dịch vụ công.

d) Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân: phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân. Chữ ký số là phương tiện thay thế chữ ký cá nhân trên môi trường số, có giá trị pháp lý tương đương chữ ký của cá nhân đó trong văn bản giấy.

đ) Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản: phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản. Việc bảo vệ này cơ bản không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số.

e) Phát triển trường học số: thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý.

g) Phát triển bệnh viện số: thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý

h) Phát triển làng số

Làng số là một cộng đồng dân cư xây dựng trên nền tảng ngôi làng truyền thống, mà ở đó người dân sử dụng hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ, kỹ thuật số để phục vụ đời sống hàng ngày và thay đổi phương thức, hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt khỏi phạm vi không gian làng, xã. Làng số đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân địa phương thông qua việc cung cấp đầy đủ các dịch vụ, tiện ích đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống thường ngày của người dân, đặc biệt là giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, giải quyết vấn đề việc làm, giải quyết vấn đề sản xuất và tiêu thụ nông sản địa phương.

## **12. Không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số**

Thiết lập không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn có thể dễ dàng tiếp cận, trực tiếp trải nghiệm thực tế; kết hợp với việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho các đối tượng liên quan thông qua việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Không gian này xem xét đặt tại đơn vị sự nghiệp của Sở Thông tin và Truyền

thông, huy động nguồn lực xã hội hoá cùng tham gia, lưu ý bảo đảm thiết thực, hiệu quả, bền vững.

*(Chi tiết giải pháp thực hiện nhiệm vụ tại Phụ lục 5 kèm theo)*

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện. Các nhiệm vụ, dự án đề ra phải đảm bảo không trùng lặp với các chương trình, kế hoạch, dự án đã được phê duyệt; đồng thời, chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện: **78.419** triệu đồng,

- Ngân sách tỉnh: **78.419** triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư: **58.251** triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: **20.168** triệu đồng.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Xác định trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của các cơ quan, tổ chức.

##### **1. Các Sở, Ban, Ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố:**

- Trên cơ sở Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, các đơn vị được giao chủ trì tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện tại cơ quan, địa phương. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương lồng ghép nội dung thực hiện Đề án An Giang điện tử, Chương trình chuyển đổi số tỉnh vào trong kế hoạch để thực hiện.

- Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện, sau khi kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan lập dự toán kinh phí theo chế độ quy định hiện hành (đối với nguồn vốn sự nghiệp), gửi cơ quan tài chính cùng cấp tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện lồng ghép trong kinh phí hoạt động thường xuyên của các Sở, ngành và địa phương được giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Các sở, ngành và địa phương cung cấp dịch vụ công trực tuyến có biện pháp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về các tiện ích khi sử dụng; tham gia tích cực triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.



- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các giải pháp nhằm duy trì và tiếp tục phát triển các ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại cơ quan, thực hiện ngày càng hiệu quả, thiết thực hơn.

- Tích cực đăng ký tham gia thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

## **2. Sở Thông tin và Truyền thông:**

- Chủ trì, phối hợp cùng các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Định kỳ, đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai và thực hiện đúng theo lộ trình kế hoạch đề ra, đảm bảo các nhiệm vụ, dự án không chồng chéo, trùng lặp khi triển khai thực hiện.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tổng hợp cân đối nguồn vốn đầu tư công, sắp xếp thứ tự ưu tiên danh mục dự án tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

## **4. Sở Tài chính:**

Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

## **5. Sở Nội vụ:**

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện cải cách hành chính, kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chủ trì) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản lý phát triển ứng dụng CNTT, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật có liên quan.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông bố trí nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về Chuyển đổi số, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

## **6. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng quá trình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và phổ cập kiến thức CNTT, kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến trong các trường phổ thông.

- Xây dựng và triển khai chương trình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào công tác quản lý nhà nước, quản lý ngành và việc dạy, học trong các trường phổ thông.

- Hướng dẫn các đơn vị giáo dục trực thuộc đưa việc giảng dạy tin học vào tất cả các ngành học đào tạo từ sơ cấp trở lên.

- Đẩy mạnh thực hiện việc dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp một cách phù hợp, hiệu quả.

### **7. Sở Y tế:**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống ngành y tế trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án, dự án triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong ngành y tế.

### **8. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn tỉnh**

- Trên cơ sở những nội dung định hướng của tỉnh tại Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả phục vụ chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Tuân thủ các hướng dẫn, yêu cầu của địa phương trong hoạt động phát triển hạ tầng số. Triển khai đầu tư, phát triển công nghệ số, mạng lưới hạ tầng số theo đúng quy định pháp luật, phù hợp quy hoạch, lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ theo hướng dẫn.

## **VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

Danh mục nhiệm vụ, dự án để triển khai Kế hoạch dựa trên các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện (*Phụ lục 6 kèm theo*).

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ TT&TT;
- TT:TU, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Minh Thúy**